

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên
tòa:* Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 325/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp con chung, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 261/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Phú Lộc Thượng, xã A, huyện M, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Ông Lương Văn D, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp Phú Lộc Thượng, xã An Đ, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Văn H1, sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp Phú Lộc Thượng, xã An Đ, huyện M, tỉnh B (vắng mặt)

2. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp Phú Lộc Thượng, xã An Đ, huyện M, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt)

3. Ông Lương Văn D1, sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp Phú Lộc Thượng, xã An Đ, huyện M, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt)

4. Bà Lâm Thị C1, sinh năm 1949

Địa chỉ: ấp Phú Lộc Thượng, xã An Đ, huyện M, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Qua tìm hiểu bà và ông Lương Văn D tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ngày 08/11/2008. Sau khi cưới vợ chồng sống riêng trên căn nhà của cha mẹ chồng cho tại ấp Phú Lộc Thượng, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng vào khoảng tháng 5 năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông D luôn nghi ngờ tất cả các mối quan hệ của bà ngoài xã hội nên có lời nói và hành động xúc phạm đến uy tín của bà và gia đình bà nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát. Đặc biệt, ông D và những người thân trong gia đình nhiều lần chửi mắng và đánh đập bà, Công an xã An Định nhiều lần lập biên bản, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, bà và ông D ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông D. Bà và ông D có 01 con chung tên Lương Văn P, sinh ngày 14/12/2008, cháu đang sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông D có tài sản chung là công sức tu bổ (lát gạch tàu) vào căn nhà của cha mẹ chồng là ông Lương Văn H1 bà Lâm Thị C1, đồng thời bơm cát san lấp xung quanh nhà khoảng 200m³ cát trên đất thuộc thửa 428, tờ bản đồ số 9 tại xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Năm 2012, bà và ông D có mua phần đất có diện tích khoảng 160 m² của ông Lương Văn D1 và bà Bùi Thị C thuộc một phần thửa 608, tờ bản đồ số 9 tại xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, lúc chuyển nhượng giá là 40.000.000 đồng, vợ chồng bà đã nhận đất nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đồ trang trí nội thất trong nhà gồm salon, bàn ghế, tủ,... Khi khởi kiện bà yêu cầu chia tài sản chung là những tài sản này nhưng nay bà xin rút yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp về tài sản chung. Về nợ chung, bà và ông D không có.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ yêu cầu nêu trên.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2023 bị đơn ông Lương Văn D trình bày:

Ông và bà H do quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Định vào ngày 08/11/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lương Văn P, sinh ngày 14/12/2008. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H thì ông yêu cầu con chung theo ai thì người đó nuôi, người nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Đối với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 9, đất này do cha mẹ ông là Lương Văn H1 bà Lâm Thị C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất này vợ chồng ông đã bơm cát khoảng 70 m³, đổ cát san lấp khoảng 10 xe, mỗi xe 05 m³, tổng cộng 50 m³. Cát mới nhà sau khoảng 18 triệu đồng. Ông đồng ý chia đôi nhưng định giá bao nhiêu thì ông sẽ hoàn lại cho bà H ½ giá trị. Đối với thửa đất 608, tờ bản đồ số 09 vợ chồng ông mua của ông Lương Văn D1, bà Bùi Thị C năm 2012 với giá 40.000.000 đồng, đã bơm cát 70 m³, có xây quán bán cafe, thửa đất này ông thống nhất để lại cho con, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, ông Dũng vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn H1, bà Lâm Thị C1 trình bày:

Đối với thửa đất 428, tờ bản đồ số 9, đất này do ông bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất này vợ chồng ông D bà H cất một căn nhà và bơm cát. Thửa đất này ông bà đã cho riêng ông D từ năm 1995 nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, căn nhà trên đất này để cho vợ chồng ông D bà H tự giải quyết, ông bà không có ý kiến.

Tại phiên tòa, ông H1 bà C1 vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị C trình bày:

Vào khoảng năm 2012 bà và chồng là ông Lương Văn D1 có bán cho bà Phạm Thị H ông Lương Văn D một phần đất có chiều ngang khoảng 04 mét, chiều dài khoảng 40 mét, bà không nhớ phần đất thuộc thửa và tờ bản đồ số mấy, đất tọa lạc xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam. Vợ chồng bà bán với giá 40.000.000 đồng, bên ông D bà H đã chồng đủ tiền, khi chồng tiền không có làm biên nhận, bà H là người trực tiếp giao cho bà. Khi bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ cũng không có làm hợp đồng. Sau khi bà Hiền chồng đủ tiền thì vợ chồng bà đã giao đất cho ông D bà H trực tiếp quản lý sử dụng cho đến nay. Đến nay các bên chưa làm thủ tục tách thửa sang tên được. Hiện tại trên phần đất này bà H có xây nhà và bán tiệm. Thửa đất này bà và ông D1 đã bán cho bà Hiền và ông D rồi nên bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà,

ông D1 với bà H ông D, đồng ý phân đất này đã bán cho bà H ông D không có tranh chấp. Việc ông D bà H yêu cầu, phân chia như thế nào thì bà không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà C vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn D1 đều vắng mặt nên không có lời trình bày, đồng thời ông D1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông H1, bà C1) vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H. Bà H được ly hôn với ông Lương Văn D. Giao cháu Lương Văn P sinh ngày 14/12/2008 cho bà H nuôi dưỡng, ghi nhận bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà H đối với ông D. Chi phí thu thập chứng cứ bà H tự nguyện chịu nên ghi nhận. Nợ chung, bà H ông D không có nên không xem xét giải quyết. Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp con chung, chia tài sản chung nên quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Lộc Thượng, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Hồng, bà Châu) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn D1, bà Bùi Thị C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bà Phạm Thị H và ông Lương Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của bà H thì vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, do ông D thường xuyên chửi bới và đánh đập bà nên bà yêu cầu ly hôn với ông D. Ông D thừa nhận ông và bà Hiền có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nhưng ông không đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải được xây dựng trên nguyên tắc quý trọng, thương yêu chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ nhưng ông D bà H không đảm bảo nguyên tắc này, hôn nhân của ông D bà H đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông D.

[5] Bà Phạm Thị H và ông Lương Văn D có 01 con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 14/12/2008 đang sống với bà H, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu P đang sống với bà H, đang được bà chăm sóc nuôi dưỡng tốt, đồng thời cháu P cũng có nguyện vọng sống với bà H nên giao cháu P c cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu P không ai được quyền ngăn cản.

[6] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu chia tài sản chung là công sức đóng góp của bà đối với căn nhà và công sức bơm cát trên đất của ông H1, bà C1(cha mẹ chồng), yêu cầu chia tài sản chung là ghế salon, bàn, tủ,..và đất chuyển nhượng của bà Bùi Thị C và ông Lương Văn D nhưng tại phiên tòa, bà Phạm Thị H rút lại toàn bộ yêu cầu liên quan đến chia tài sản chung. Xét yêu cầu của bà H là hoàn tự nguyện nên được chấp nhận. Bà H có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Bà Phạm Thị H và ông Lương Văn D đều khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí thu thập chứng cứ là 2.272.550 đồng, bà phạm Thị H tự nguyện chịu và bà đã nộp xong nên ghi nhận.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Lương Văn D, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lương Văn D.
- Về con chung: Giao cháu Lương Văn P, sinh ngày 14/12/2008 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Phạm Thị H không yêu cầu ông Lương Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lương Văn D được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hai bên đương sự đương quyền xin thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị H đối với ông Lương Văn D. Bà Phạm Thị H được quyền khởi kiện lại đối với ông Lương Văn D về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí thu thập chứng cứ là 2.272.550 (Hai triệu hai trăm bảy hai nghìn năm trăm năm mươi) đồng, bà Phạm Thị H tự nguyện chịu và bà đã nộp xong nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị H ông Lương Văn D đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị H phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001122 ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.641.000 (Tám triệu sáu trăm bốn một nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001121 ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã thị An Định (1b);
- Các đương sự (6b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở